

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1051/QĐ-DHSPHN2 ngày 27 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: GIÁO DỤC HỌC

Tiếng Anh: Primary education

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành đào tạo: Giáo dục học;

Mã số: 9 14 01 01

Tên gọi văn bằng: Giáo dục học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: tập trung: 36 tháng; không tập trung: 48 tháng.

Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học, người quản lý chuyên môn tại các cơ sở giáo dục tiểu học (trường tiểu học, phòng giáo dục, sở giáo dục, hệ thống giáo dục ngoài công lập). Đồng thời, có thể đảm nhiệm vị trí giảng viên, nghiên cứu viên về giáo dục học, giáo dục học tiểu học tại các cơ sở nghiên cứu về GDTH, đào tạo giáo viên tiểu học trong nước và quốc tế.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chuyên ngành Giáo dục tiểu học trình độ tiến sĩ đào tạo nhà khoa học có trình độ cao về lí thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới về lĩnh vực Giáo dục tiểu học. Trang bị cho người học năng lực phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật giáo dục, nghiên cứu, tổ chức thực hiện để giải quyết các vấn đề của giáo dục tiểu học Việt Nam và khu vực, đáp ứng được những đòi hỏi đang và sẽ đặt ra cho sự nghiệp giáo dục nước nhà, trong khu vực và trên thế giới.

Sau khi tốt nghiệp, người học sẽ trở thành những chuyên gia, nhà khoa học có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong các cơ sở nghiên cứu. Đồng thời là nguồn nhân lực có trình độ cao tham gia bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý ngành giáo dục tiểu học trong các trường đại học, các cơ sở giáo dục đào tạo ở các vùng miền trong cả nước để tạo tiền đề, động lực mạnh mẽ thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của đất nước.

Vị trí việc làm của người học sau TN: Giáo viên tiểu học, người quản lý chuyên môn tại các cơ sở giáo dục tiểu học (trường tiểu học, phòng giáo dục, sở giáo dục, hệ thống giáo dục ngoài công lập). Đồng thời có thể đảm nhiệm vị trí giảng viên, nghiên cứu viên về giáo dục học, giáo dục học tiểu học tại các cơ sở nghiên cứu về GDTH, đào tạo giáo viên tiểu học trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Có trình độ cao về lí thuyết và ứng dụng trong giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực Giáo dục học tiểu học
M2	Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo về giáo dục tiểu học
M3	Phát hiện được những nguyên lý, quy luật giáo dục trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.
M4	Giải quyết được những vấn đề mới về khoa học giáo dục nói chung, giáo dục tiểu học nói riêng
M5	Công bố được một số kết quả mới trong nghiên cứu về Giáo dục học Tiểu học
M6	Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục tiểu học trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
C2	Đánh giá được các kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc chuyên ngành giáo dục tiểu học.
C3	Đánh giá và giải quyết được những vấn đề mới về lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực khoa học giáo dục tiểu học
C4	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.
C5	Vận dụng các lí thuyết, mô hình giáo dục hiện đại để thực hiện có hiệu quả hoạt động giáo dục trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.
C6	Sử dụng các lí thuyết khoa học, phương pháp, công cụ nghiên cứu, đánh giá các vấn đề về lí luận và thực tiễn giáo dục tiểu học; đề xuất và đánh

	giá hiệu quả của các giải pháp giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn giáo dục tiểu học.
C7	Hoàn thành được luận án trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp, phân tích, đánh giá các vấn đề về lí luận và thực tiễn giáo dục tiểu học.
C8	Xây dựng được kế hoạch, tổ chức, thực hiện được hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học theo nhóm, cá nhân.
C9	Trình bày, tham gia thảo luận các kết quả nghiên cứu khoa học và hợp tác trong nước, quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu giáo dục tiểu học.
C10	Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ để tham gia các hội thảo quốc tế trong lĩnh vực giáo dục học hoặc phổ biến các kết quả nghiên cứu giáo dục tiểu học ở phạm vi quốc tế.
C11	Tuân thủ, chấp hành các quy định về đạo đức nhà giáo; tạo dựng được phong cách nhà giáo mẫu mực, có ảnh hưởng tốt đến người học và cộng đồng.
C12	Độc lập nghiên cứu, mạnh dạn đề xuất các ý tưởng, kiến thức mới về khoa học giáo dục tiểu học trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
C13	Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác thực hiện nghiên cứu khoa học, giảng dạy trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.
C14	Độc lập, sẵn sàng đưa ra được những phán quyết, quyết định mang tính chuyên gia về giáo dục tiểu học.
C15	Có trách nhiệm trong nghiên cứu và học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, sáng tạo ra ý tưởng và quá trình mới về giáo dục tiểu học.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể					
	M1	M2	M3	M4	M5	M6
C1	x					
C2	x					
C3		x	x	x		
C4			x			
C5	x					
C6		x	x	x		
C7		x			x	x
C8		x				x
C9		x	x	x	x	x

C10					x	
C11						x
C12				x		x
C13						x
C14						x
C15						x

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Thực hiện theo Quy định về Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, Ban hành kèm theo Quyết định số 1557/ĐHSPHN2-SĐH ngày 24 tháng 10 năm 2017.

Khối lượng kiến thức trong CTĐT	Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ		NCS chưa có bằng thạc sĩ
	Ngành phù hợp	Ngành gần	
Học phần bổ sung, chuyển đổi	0	41 tín chỉ*	45 tín chỉ*
Học phần tiến sĩ	12 TC	12 TC	12 TC
Chuyên đề tiến sĩ	6 TC	6 TC	6 TC
Tiểu luận tổng quan	3 TC	3 TC	3 TC
Luận án	69 TC	69 TC	69 TC
Tổng số	90 TC	90 tín chỉ (không tính số tín chỉ học bổ sung, chuyển đổi)	90 tín chỉ (không tính số tín chỉ học bổ sung, chuyển đổi)

Ghi chú: (*)

- Đối với ngành gần NCS phải học bổ sung 41 tín chỉ cho phù hợp với ngành đào tạo Giáo dục học tiểu học trong chương trình đào tạo thạc sĩ đang đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ phải học bổ sung 45 tín chỉ cho phù hợp với ngành đào tạo Giáo dục học tiểu học trong chương trình đào tạo thạc sĩ đang đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc người nước ngoài có nhu cầu học tiến sĩ tại Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

4.1. Văn bằng

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành Giáo dục học tiểu học.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành Giáo dục học tiểu học đạt loại giỏi.

4.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Người dự tuyển phải là tác giả của tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.3. Trình độ ngoại ngữ

4.3.1. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a) khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm

b) khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c) khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

4.3.2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định nghiên cứu sinh) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và điểm d, khoản 4,

Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu theo quy định tại Quy chế đào tạo Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài quá trình đào tạo theo các quy định hiện hành.

c) Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

d) Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại cơ sở đào tạo, nơi nghiên cứu sinh đang theo học. Trong trường hợp cơ sở đào tạo không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo.

e) Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh (kể cả thời gian kéo dài, nếu có).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Hoàn thành việc học bổ sung theo Quy định;

b) Hoàn thành các học phần trình độ tiến sĩ: Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần tiến sĩ (gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn) thuộc trình độ Tiến sĩ;

c) Hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ: Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ theo quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành;

d) Hoàn thành Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án trước Hội đồng chuyên ngành, có đánh giá theo các mức: xuất sắc, tốt, đạt, không đạt.

e) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus; hoặc đã công bố tối thiểu 02 bài báo bằng tiếng nước ngoài trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

f) Tham gia báo cáo tại hội nghị khoa học (trong nước hoặc quốc tế), đảm bảo thời lượng quy định tại phần Chương trình đào tạo.

g) Kết quả nghiên cứu khoa học phải được báo cáo trong các cuộc seminar khoa học. Phải báo cáo toàn vẹn kết quả luận án tại seminar bộ môn trước khi bảo vệ cấp cơ sở. Thời lượng tối thiểu cho hoạt động xem tại phần Chương trình đào tạo.

h) Hoàn thành luận án tiến sĩ và được Hội đồng bảo vệ cấp Cơ sở đánh giá đạt yêu cầu và Hội đồng chấm luận án cấp Trường ĐHSP Hà Nội 2 đánh giá đạt theo các quy định hiện hành. Trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu.

k) Hoàn thành các nghĩa vụ về học phí và các quy định khác.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo tiến sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần.

6.2.2. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ

Các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá bởi Hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

6.2.3. Đánh giá luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ được đánh giá theo quy định hiện hành gồm 3 vòng:

- Bảo vệ cấp cơ sở: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng.

- Phản biện độc lập: Mỗi luận án tiến sĩ được đánh giá bởi ít nhất 02 phản biện độc lập.

- Bảo vệ cấp Trường: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng theo quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

Phần 1: Học phần bổ sung

1.1 Có bằng đại học ngành phù hợp: Giáo dục tiểu học, học các học phần sau đây:

STT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ		Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu		
				Lên lớp					
				Bài tập, thảo luận	Thực hành				
				Lí thuyết					
I. Các học phần chung				9					
1	Triết học	PHIL 501	4	42	36		120		
II. Các học phần cơ sở				20					
II.1. Bắt buộc				8					
2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC 511	3	30	30		90		
3	Tâm lí học giáo dục	EDSC 512	3	30	30		90		
4	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDSC 513	2	15	30		60		
II.2. Tự chọn (Chọn 4 trong số 9 học phần sau)				12					
5	Lí luận dạy học hiện đại	EDSC 521	3	30	30		90		
6	Chuẩn giáo dục và Lí thuyết chương trình giáo dục	EDSC 522	3	30	30		90		
7	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC 523	3	30	30		90		
8	Giáo dục kỹ năng học tập cơ bản ở tiểu học	EDSC 524	3	30	30		90		
9	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực ở tiểu học	PRED 525	3	30	30		90		
10	Đánh giá trong giáo dục tiểu học theo tiếp cận năng lực	PRED 526	3	30	30		90		

11	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học	PRED 527	3	30	30				90	
12	Giáo dục văn hoá giao tiếp tiếng Việt cho học sinh tiểu học	PRED 528	3	30	30				90	
13	Dạy văn ở tiểu học	PRED 529	3	30	30				90	
III. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH			21							
III.1. Bắt buộc			12							
14	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt tiểu học	PRED 541	3	30	30				60	
15	Cơ sở khoa học của dạy Toán ở tiểu học	PRED 542	3	30	30				60	
16	Cơ sở giáo dục trải nghiệm ở tiểu học	PRED 543	3	30	30				60	
17	Cơ sở khoa học của giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRED 544	3	30	30				60	
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần sau)			9							
18	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống ở tiểu học	PRED 551	3	30	30				60	
19	Phát triển tư duy toán học của học sinh qua dạy học Toán	PRED 552	3	30	30				60	
20	Phát triển kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản	PRED 553	3	30	30				60	
21	Phát triển kỹ năng dạy học đọc hiểu ở tiểu học	PRED 554	3	30	30				60	
22	Phát triển năng lực dạy học toán ở tiểu học	PRED 555	3	30	30				60	
23	Xu hướng mới trong giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRED 556	3	30	30				60	
24	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học	PRED 557	3	30	30				60	

	toán ở tiểu học							
25	Phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	PRED 558	3	30	30			60
Tổng cộng			45					

1.2 Có bằng thạc sĩ thạc sĩ ngành gần: Lí luận và PPDH toán; Lí luận và PPDH tiếng Việt, văn học, học bổ sung những học phần sau đây:

STT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Tự học, tự nghiên cứu			
				Lên lớp		Thực hành	Thực tập, thực tế					
				Bài tập, thảo luận	Lý thuyết							
I. Các học phần cơ sở					20							
I.1. Bắt buộc					8							
1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC 511	3	30	30				90			
2	Tâm lí học giáo dục	EDSC 512	3	30	30				90			
3	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDSC 513	2	15	30				60			
I.2. Tự chọn (Chọn 4 trong số 8 học phần sau)					12							
4	Lí luận dạy học hiện đại	EDSC 521	3	30	30				90			
5	Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục	EDSC 522	3	30	30				90			
6	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC 523	3	30	30				90			
7	Giáo dục kỹ năng học tập cơ bản ở tiểu học	EDSC 524	3	30	30				90			

8	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực ở tiểu học	PRED 525	3	30	30			90
9	Đánh giá trong giáo dục tiểu học theo tiếp cận năng lực	PRED 526	3	30	30			90
10	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học	PRED 527	3	30	30			90
11	Giáo dục văn hoá giao tiếp tiếng Việt cho học sinh tiểu học	PRED 528	3	30	30			90
12	Dạy văn ở tiểu học	PRED 529	3	30	30			90
II. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH			21					
II.1. Bắt buộc			12					
13	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt tiểu học	PRED 541	3	30	30			90
14	Cơ sở khoa học của dạy Toán ở tiểu học	PRED 542	3	30	30			90
15	Cơ sở giáo dục trải nghiệm ở tiểu học	PRED 543	3	30	30			90
16	Cơ sở khoa học của giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRED 544	3	30	30			90
II.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần sau)			9					
17	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống ở tiểu học	PRED 551	3	30	30			90
18	Phát triển tư duy toán học của học sinh qua dạy học Toán	PRED 552	3	30	30			90
19	Phát triển kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản	PRED 553	3	30	30			90
20	Phát triển kỹ năng dạy học đọc hiểu ở tiểu học	PRED 554	3	30	30			90
21	Phát triển năng lực dạy học toán ở tiểu học	PRED 555	3	30	30			90
22	Xu hướng mới trong giáo	PRED 556	3	30	30			90

	dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học								
23	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học toán ở tiểu học	PRED 557	3	30	30			90	
24	Phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	PRED 558	3	30	30			90	
Tổng cộng			41						

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và bài tiểu luận tổng quan

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tư học, Tư nghiên cứu
Lý thuyết	thảo	Hành						
I	Các học phần trình độ tiến sĩ		12					
I.1	Bắt buộc		06					
1	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nâng cao	PRED 601	3	30	30			90
2	Giáo dục kỹ năng học tập ở tiểu học nâng cao	PRED 602	3	30	30			90
I.2	Tự chọn: chọn 1 trong các lĩnh vực sau		06					
	Tự chọn 1: Giáo dục ngôn ngữ văn ở tiểu học (chọn 2 trong các học phần)							
3	Dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học theo quan điểm giao tiếp	PRED 611	3	30	30			90
4	Ngữ dụng học	PRED 612	3	30	30			90
5	Lý thuyết lịch sử và lịch sự trong giao tiếp tiếng Việt	PRED 613	3	30	30			90
6	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	PRED 614	3	30	30			90
7	Phát triển năng lực tiếp nhận – hồi đáp các loại văn bản trong chương	PRED 615	3	30	30			90

	trình Tiếng Việt ở tiểu học						
	Tự chọn 2: Giáo dục toán học ở tiểu học (chọn 2 trong các học phần)						
8	Phát triển tư duy lô gíc cho học sinh tiểu học	PRED 616	3	30	30		90
9	Phát triển chương trình môn Toán tiểu học ở Việt Nam	PRED 617	3	30	30		90
10	Đổi mới phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	PRED 618	3	30	30		90
11	Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học Toán ở tiểu học	PRED 619	3	30	30		90
12	Hình thành và phát triển trí tưởng tượng không gian cho học sinh tiểu học thông qua dạy học các biểu tượng hình học	PRED 620	3	30	30		90
	Tự chọn 3: Giáo dục các lĩnh vực khác ở tiểu học (chọn 2 trong các học phần)						
13	Định hướng nghiên cứu và sử dụng dạy học chương trình hoá ở tiểu học	PRED 621	3	30	30		90
14	Đánh giá nội dung dạy học tiểu học dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại	PRED 622	3	30	30		90
15	Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại	PRED 623	3	30	30		90
16	Một số vấn đề lí luận của việc sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học ở tiểu học	PRED 624	3	30	30		90
II	Các chuyên đề tiến sĩ		06				
1	Chuyên đề 1		2		30		60
2	Chuyên đề 2		2		30		60
3	Chuyên đề 3		2		30		60
III	Bài tiểu luận tổng quan		03		45		90

IV	Nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học												
1	Bài báo (BB) khoa học: có ít nhất 2 bài báo												
	- Bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus												
	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;												
2	Báo cáo (BC) hội nghị khoa học (trong nước hay/và quốc tế)												
	- Báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện												
	- Báo cáo trong kỷ yếu hội thảo trong nước có phản biện												
V	Đào tạo, Seminar												
	Báo cáo seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở												
	Tham gia trợ giảng/hướng dẫn thực tập, thực hành												
VI	Luận án tiến sĩ							69					
	Nghiên cứu và viết văn bản luận án							50					
	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và Bộ môn theo tiến độ qui định; Hoàn chỉnh luận án							19					
	TỔNG CỘNG:							90					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Mã HP	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
PRED601	I	I	T	T	U	T	U	T	I	I	I	I	I	I	I
PRED602	T	T	T	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	U	U

PRED603	T	I	I	U	U	I	U	I	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED604	T	I	I	U	U	I	U	I	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED605	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED606	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED607	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED608	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED609	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED610	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED611	T	T	I	U	U	U	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED612	T	T	I	U	U	U	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED614	T	T	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED615	T	I	I	U	U	I	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED616	T	T	I	U	U	U	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
PRED617	T	T	I	U	U	U	U	U	I	I	I	I	I	I	I	I
Chuyên đề 1	T	T	T	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Chuyên đề 2	T	T	T	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Chuyên đề 3	T	T	T	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Bài tiêu luận tổng quan	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Bài báo khoa học	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Báo cáo hội nghị khoa học	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Seminar	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I
Tham gia trợ giảng /hướng	U	U	U	U	U	U	I	U	I	I	U	U	I	U	I	I

dẫn thực tập, thực hành														
Luận án tiến sĩ	U	U	T	U	U	U	T	U	U	U	U	I	U	I

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nâng cao

Môn học nhằm cung cấp cho người học những phương pháp thiết kế và thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học: xác định vấn đề, mục đích, giả thuyết nghiên cứu; trên cơ sở đó lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thiết kế, sử dụng công cụ, phương tiện nghiên cứu. Môn học cũng giúp người học hiểu sâu hơn về phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, sử dụng công nghệ trong nghiên cứu khoa học.

Môn học cũng trang bị cho người học các phương pháp tìm tòi, tra cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu, trích dẫn tài liệu, trên cơ sở đó đưa ra những nhận xét, đánh giá các kết quả nghiên cứu đã có, cách trình bày bài tổng quan vấn đề nghiên cứu trong luận án và các công trình khoa học khác.

Đồng thời, môn học cũng giới thiệu một số tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực giáo dục, cung cấp cho người học phương pháp trình bày, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên phạm vi quốc tế, cách thức gửi bài viết và chỉnh sửa sau phản biện.

8.2. Giáo dục kỹ năng học tập ở tiểu học nâng cao

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về kỹ năng học tập; Giáo dục kỹ năng học tập; Biện pháp và hình thức giáo dục kỹ năng học tập ở tiểu học; Một số phương pháp rèn kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học. Yêu cầu học viên chủ động, tích cực xử lý tư liệu, hợp tác và tư duy phê phán, rèn luyện thường xuyên qua thực hành và ứng dụng.

8.3. Dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp

Dạy học tiếng Việt ở tiểu học gồm hệ thống tri thức lý thuyết về các cơ sở khoa học, đặc biệt là cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học theo định hướng giao tiếp. Trên cơ sở đó, người học sẽ được hướng dẫn nghiên cứu quy trình cũng như cách thức thiết lập quy trình dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp từ việc xác định mục tiêu, xây dựng nội dung dạy học, tổ chức dạy học đến tiến hành kiểm tra đánh giá học sinh. Môn học trang bị cho người học những cơ sở khoa học của việc dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học theo quan điểm giao tiếp. Đồng thời hình thành, phát triển ở người học kỹ năng thiết lập quy trình dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp từ việc xác định mục tiêu, xây dựng nội dung cho đến tổ chức dạy học.

8.4. Ngữ dụng học

Môn học trang bị cho người học những kiến thức căn bản về ngữ dụng học và kĩ năng phân tích những bình diện của ngữ dụng học biểu hiện trên những đơn vị lời nói cụ thể. Qua đó, bồi dưỡng ý thức vận dụng các kiến thức về ngữ dụng học vào việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

8.5. Lý thuyết lịch sự và lịch sự trong giao tiếp tiếng Việt

Môn học trang bị cho người học những hệ thống tri thức chuyên sâu về lý thuyết lịch sự và các phương tiện ngôn ngữ có khả năng biểu thị tính lịch sự trong giao tiếp tiếng Việt. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh có thể tổ chức dạy học, đánh giá các nội dung và phương pháp dạy học có liên quan như các bài về nghi thức lời nói, các bài về tổ chức cuộc họp, giới thiệu tổ, lớp, trường em, các bài liên quan đến hội thoại trong sách giáo khoa tiếng Việt.

8.6. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học

Môn học trang bị hiểu biết về vấn đề cảm thụ văn học, tâm lý học cảm thụ và cách thức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học, từ đó, phát triển năng lực cảm thụ văn học, đặc biệt là năng lực cảm thụ thơ văn cho học sinh tiểu học. Qua đó, góp phần củng cố và nâng cao năng lực tiếp nhận các loại văn bản nghệ thuật cho học sinh tiểu học.

8.7. Phát triển năng lực tiếp nhận - hồi đáp các loại văn bản trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học

Môn học giới thiệu nội dung kiến thức và kĩ năng chuyên sâu, gắn với các thể loại văn bản trong chương trình tiếng Việt tiểu học. Mặt khác, môn học còn bổ sung thêm nội dung hướng dẫn người học cách phát biểu và lí giải những vấn đề mình lĩnh hội được trong quá trình tiếp nhận văn bản.

8.8. Phát triển tư duy lôgíc cho học sinh tiểu học

Học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về lôgíc, trên cơ sở đó, phân tích cấu trúc lôgíc của môn toán tiểu học. Đề xuất những biện pháp góp phần hình thành và rèn tư duy lôgíc cho học sinh trong quá trình dạy và học toán tiểu học.

8.9. Phát triển chương trình môn toán tiểu học ở việt nam

Học phần nhằm cung cấp cho NCS một cách hệ thống những kiến thức về chương trình, chương trình môn toán ở Việt Nam và một số nước trong khu vực và trên thế giới. Thông qua các hoạt động seminar, hình thành cho NCS kĩ năng phân tích chương trình một học phần, thấy được những ưu điểm và hạn chế của chương trình môn toán hiện hành để đề xuất biện pháp thực hiện tốt chương trình đó.

8.10. Đổi mới phương pháp dạy học toán ở tiểu học

Học phần nhằm hỗ trợ giúp nghiên cứu sinh hiểu chắc chắn các định hướng mới trong dạy học toán, hiểu chắc chắn các cơ sở lý luận để hoàn thiện luận án. Từ đó hoàn thiện các ý tưởng vận dụng trong phần nghiên cứu của mình.

8.11. Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học toán ở tiểu học

Giúp nghiên cứu sinh hiểu biết sâu sắc các cơ sở tâm lí - giáo dục hiện đại của các phương pháp dạy học toán; Có tầm nhìn khái quát về các biện pháp tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học toán; Tạo cơ sở lí luận cho nghiên cứu sinh nghiên cứu luận án có liên quan đến lĩnh vực tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh trong môn Toán ở tiểu học.

8.12. Hình thành và phát triển trí tưởng tượng không gian cho học sinh tiểu học thông qua dạy học các biểu tượng hình học

Học phần giúp NCS có sự hiểu biết vững chắc về quá trình hình thành và phát triển trí tưởng tượng không gian của học sinh tiểu học trong quá trình dạy học; Hiểu sâu sắc mối liên quan giữa các biểu tượng hình học, các hoạt động hình học ở tiểu học với những kiến thức của cơ sở toán học có liên quan. Giúp NCS có cái nhìn khái quát về các vấn đề dạy học các yếu tố hình học ở tiểu học (quan điểm, nội dung, phương pháp, cách tổ chức các hoạt động hình học). Giúp nghiên cứu sinh có tầm nhìn rộng và sâu về vị trí vai trò của các yếu tố hình học ở bậc tiểu học, nội dung cùng phương pháp dạy học thích hợp chuẩn bị cho học sinh tiểu học học hình học có hệ thống ở cấp trên và ra đời phục vụ xã hội.

8.13. Định hướng nghiên cứu và sử dụng dạy học chương trình hóa ở tiểu học

Học phần đề cập đến một trong những cách tiếp cận dạy học hiện đại, đã được sử dụng trong thời gian dài tại các nước có nền giáo dục hiện đại, song còn ít được nghiên cứu và áp dụng ở nước ta, đặc biệt là trong giáo dục tiểu học. Phương pháp dạy học này sẽ phát huy hiệu quả nếu được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin và truyền thông ICTs.

8.14. Đánh giá nội dung dạy học tiểu học dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại

Học phần đề cập đến một trong những cách tiếp cận dạy học hiện đại, đã được sử dụng trong thời gian dài tại các nước có nền giáo dục hiện đại. Hệ thống lí thuyết được kết hợp với các bài tập thực hành trong dạy học các học phần ở tiểu học; bên cạnh đó, có 1 bài tập lớn bắt buộc cho người học. Học phần này cần được thực hiện ở cấp độ đào tạo tiến sĩ, sau khi người học đã được trang bị các kiến thức cơ bản về tâm lí - giáo dục học ở đại học; các chuyên đề về PPDH bộ môn ở trình độ thạc sĩ.

8.15. Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học trong quá trình dạy học các môn học ở tiểu học

Học phần giúp học viên có cái nhìn sâu sắc về quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học thông qua việc khai thác các nhân tố khác nhau của quá trình dạy học -

nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, việc kiểm tra, đánh giá..., về việc phối hợp con đường giáo dục thông qua dạy học với con đường giáo dục thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp sao cho có hiệu quả.

8.16. Một số vấn đề lý luận của việc sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học ở tiểu học

Học phần giúp NCS nắm vững cơ sở lý luận về phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại ở tiểu học và sử dụng thành thạo và linh hoạt các phương tiện dạy học hiện đại trong quá trình tổ chức dạy học ở tiểu học.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nhà trường

- Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường.

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

- Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án.

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Phòng Đào tạo

- Làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của Trường về đào tạo;

- Phối hợp với Khoa và Tổ chuyên môn để tổ chức và quản lý việc đào tạo theo đúng Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Trường.

9.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo chuyên ngành

- Phê duyệt các đề xuất về học phần bổ sung, học phần tiến sĩ tự chọn trong chương trình đào tạo;

- Cho ý kiến bằng văn bản về những nội dung khoa học mà Nhà trường yêu cầu;

- Tư vấn cho Nhà trường về công tác đào tạo NCS.

9.4. Khoa và Tổ chuyên môn

- Tiếp nhận và quản lý NCS trong suốt quá trình đào tạo.

- Thông qua kế hoạch toàn khóa của NCS, tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

- Theo dõi và quản lý NCS thực hiện chương trình đào tạo.

- Tổ chức cho NCS học các học phần bổ sung (nếu có), các học phần tiến sĩ.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh.

- Phân công NCS tham gia trợ giảng; phân công hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập, tính điểm tích lũy phần trợ giảng cho NCS.

- Định kỳ tổ chức đánh giá tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS.

- Xác định danh mục các tạp chí khoa học uy tín mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu;
- Tổ chức seminar luận án và tổ chức bảo vệ luận án cấp cơ sở cho NCS theo quy định.
- Định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.

9.5. Giảng viên và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

- Thực hiện giảng dạy theo mục tiêu, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ, có chất lượng chương trình đào tạo.
- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.6. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

- Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị để luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp trường.
- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.7. Nghiên cứu sinh

- Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.
- Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của cơ sở đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

